

Bản án số: 13/2020/HS-ST
Ngày 06-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Nam Điền

Ông Trần Đại Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Hà Đình Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Thị Th, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1981 tại huyện VC, tỉnh Yên Bái;

Nơi cư trú: Thôn VTh 3, xã STh, huyện VC, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn D, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1955; có chồng là Vũ Văn H, sinh năm 1980 (là bị cáo trong vụ án) và 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt truy nã ngày 17 tháng 12 năm 2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Yên Bái “có mặt”.

- Người bào chữa của bị cáo Hoàng Thị Th: Ông Phan Trọng Kh – Luật sư, Văn phòng Luật sư HH, Đoàn Luật sư tỉnh Yên Bái; có mặt.

2. Vũ Văn H, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1980 tại huyện ML, thành phố Hà Nội;

Nơi cư trú: Thôn MTr, xã ChPh, huyện ML, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Duy Ổ (đã chết) và bà Trần Thị Th1, sinh năm 1950; có vợ là Hoàng Thị Th, sinh năm 1981 (là bị cáo trong vụ án) và 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt truy nã ngày 17 tháng 12 năm 2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Yên Bái “có mặt”.

- *Người bào chữa của bị cáo Vũ Văn H:* Ông Phạm Việt T – Luật sư, Văn phòng Luật sư QV, Đoàn Luật sư tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Bị hại:

+ Bà Nguyễn Thị Ng và ông Vũ Văn S

Địa chỉ: Bản Ph1, xã STh (nay là tổ dân phố Ph1, thị trấn STh), huyện VC, tỉnh Yên Bái;

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 1112, tầng 11, khu HH4A, chung cư LĐ, phường HL, quận HM, Thành phố Hà Nội; bà Ng, ông S đều vắng mặt.

+ Bà Trần Thị L và ông Vũ Lương X

Địa chỉ: Bản Ph1, xã STh (nay là tổ dân phố Ph1, thị trấn STh), huyện VC, tỉnh Yên Bái; bà L có mặt, ông X vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị Đ và ông Phùng Kim L1

Địa chỉ: Bản Ph1, xã STh (nay là tổ dân phố Ph1, thị trấn STh), huyện VC, tỉnh Yên Bái; bà Đ có mặt, ông L1 vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị H1 và ông Nguyễn Văn Ch

Địa chỉ: Thôn VTh3, xã STh (nay là tổ dân phố VTh3, thị trấn STh), huyện VC, tỉnh Yên Bái; bà H1 có mặt, ông Ch vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Trung Th2 và bà Đỗ Thị T1

Địa chỉ: Thôn VTh 3, xã STh (nay là tổ dân phố VTh3, thị trấn STh), huyện VC, tỉnh Yên Bái; ông Th2, bà T đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 01 năm 2013 đến tháng 01 năm 2016, Hoàng Thị Th và Vũ Văn H đã vay tiền của nhiều người với tổng số tiền 1.359.000.000đồng, sau đó bỏ trốn, cụ thể như sau:

Ngày 14/01/2013, Hoàng Thị Th đến nhà bà Nguyễn Thị Ng vay số tiền 75 triệu đồng và bà Ng đã đưa tiền cho Th vay. Do bà Ng yêu cầu Th phải có giấy vay tiền. Th nghĩ ra bà L (Trần Thị L, sinh năm 1967, trú tại bản Ph1, xã STh, huyện VC, tỉnh Yên Bái) làm người đứng tên vay tiền của bà Ng, do Th không biết họ của bà L nên Th tự viết một giấy vay tiền nội dung, bà Nguyễn Thị L vay của bà Ng số tiền 75 triệu đồng, rồi Th tự mình ký tên vào mục người làm chứng và ký tên Nguyễn Thị L vào bên vay. Ngày hôm sau, Th mang giấy vay tiền này đến đưa cho bà Ng.

Ngày 11/4/2013, Th đến nhà bà Ng hỏi vay tiếp số tiền 30 triệu đồng, bà Ng đồng ý và đưa cho Th vay số tiền trên. Cũng như lần vay lần trước, Th nghĩ ra và lấy tên chị A (Phạm Thị Ngọc A, sinh năm 1983, trú tại bản Ph1, xã STh, huyện VC, tỉnh Yên Bái) làm người đứng tên vay tiền của bà Ng. Do Th không biết họ

tên đầy đủ của chị A nên Th tự tay viết một giấy vay tiền nội dung chị Hoàng Ngọc A vay của bà Ng số tiền 30 triệu đồng, rồi Th tự mình ký tên vào mục người làm chứng và ký tên Hoàng Ngọc A vào bên vay. Ngày hôm sau Th mang giấy vay tiền này đến đưa cho bà Ng.

Ngày 07/5/2014, Th đến nhà bà Ng hỏi vay tiếp số tiền 120 triệu đồng và bà Ng đưa tiền cho Th. Như những lần trước, Th về nhà nghĩ ra và lấy tên anh Nguyễn Văn Nh (Nh Q sinh năm 1971, trú tại bản Ph1, xã STh, huyện VC, tỉnh Yên Bái) làm người đứng tên vay tiền của bà Ng. Th tự tay viết một giấy vay tiền nội dung anh Nguyễn Văn Nh vay của bà Ng số tiền 120 triệu đồng rồi Th tự mình ký tên vào mục người làm chứng và ký tên Nguyễn Văn Nh, Vũ Thị Q vào bên vay. Ngày hôm sau Th mang giấy vay tiền này đến đưa cho bà Ng.

Ngày 10/01/2015, Hoàng Thị Th đến nhà bà Trần Thị L vay số tiền 50 triệu đồng. Th viết giấy vay tiền rồi ký tên và đưa cho bà L, bà L đưa cho Th số tiền 50 triệu đồng;

Ngày 31/01/2015, Hoàng Thị Th cùng chồng là Vũ Văn H đến nhà bà Vũ Thị Đ vay số tiền 170 triệu đồng, bà Đ đồng ý và đưa cho Th số tiền 170 triệu đồng. Th viết giấy vay tiền, sau đó Th và H cùng ký tên vào giấy vay rồi đưa cho bà Đ;

Ngày 30/3/2015, Hoàng Thị Th cùng chồng là Vũ Văn H đến nhà bà Vũ Thị Đ để hỏi vay số tiền 50 triệu đồng, bà Đ đồng ý và đưa cho Th số tiền 50 triệu đồng. Th viết giấy vay tiền, sau đó Th ký tên và viết họ tên Vũ Văn H dưới mục bên vay rồi đưa giấy cho bà Đ;

Ngày 05/6/2015, Hoàng Thị Th gọi điện cho bà Vũ Thị Đ để hỏi vay số tiền 87 triệu đồng, bà Đ đồng ý. Th viết giấy vay tiền nội dung vay của bà Đ số tiền 87 triệu đồng. Th viết giấy vay tiền sau đó Th ký tên mình dưới mục người vay và bảo H cùng ký tên vào giấy vay, rồi bảo H đến nhà bà Đ lấy tiền mang về đưa cho Th;

Ngày 12/8/2015, Hoàng Thị Th gọi điện cho bà Vũ Thị Đ để hỏi vay số tiền 70 triệu đồng, bà Đ đồng ý. Th viết giấy vay tiền nội dung vay của bà Đ số tiền 70 triệu đồng. Th viết giấy vay tiền sau đó Th ký tên mình dưới mục người vay và viết họ tên Vũ Văn H dưới mục người vay. Sau đó, Th bảo H cầm giấy vay này đến nhà bà Đ lấy tiền. H cầm giấy vay tiền đến đưa bà Đ, bà Đ đưa cho H số tiền 70 triệu, H cầm số tiền này về đưa cho Th;

Ngày 29/10/2015, Hoàng Thị Th đến vay của bà Vũ Thị Đ số tiền 80 triệu đồng, bà Đ đồng ý. Th viết giấy vay tiền, ký tên rồi đưa cho bà Đ, bà Đ đưa cho Th số tiền 80 triệu đồng.

Ngày 06/11/2015, Hoàng Thị Th đến vay của bà Vũ Thị Đ số tiền 130 triệu đồng, bà Đ đồng ý. Th viết giấy vay tiền, ký tên rồi đưa cho bà Đ, bà Đ đưa cho Th số tiền 130 triệu đồng.

Ngày 26/11/2015, Hoàng Thị Th đến vay của bà Vũ Thị Đ số tiền 300 triệu đồng, bà Đ đồng ý. Th viết giấy vay tiền, ký tên rồi đưa cho bà Đ, bà Đ đưa cho Th số tiền 300 triệu đồng.

Ngày 27/10/2015, Hoàng Thị Th cùng chồng là Vũ Văn H đến nhà bà Phạm Thị H1 vay số tiền 65 triệu đồng, bà H1 đồng ý. Th viết giấy vay tiền rồi sau đó Th ký tên và viết họ tên Vũ Văn H dưới mục bên vay rồi đưa giấy cho bà H1; bà H1 đưa cho Th số tiền 65 triệu đồng.

Ngày 28/12/2015, Hoàng Thị Th cùng chồng là Vũ Văn H đến nhà bà Phạm Thị H1 để vay số tiền 10 triệu đồng, bà H1 đồng ý. Th viết giấy vay tiền, Th và H cùng ký tên vào giấy dưới mục người vay. Sau đó, Th đưa giấy vay cho bà H1, bà H1 đưa cho Th số tiền 10 triệu đồng.

Ngày 02/01/2016, Hoàng Thị Th cùng chồng là Vũ Văn H đến nhà bà Phạm Thị H1 vay số tiền 12 triệu đồng, bà H1 đồng ý. Th viết giấy vay tiền, Th và H cùng ký tên vào giấy vay tiền. Sau đó, Th đưa giấy vay cho bà H1, bà H1 đưa cho Th số tiền 12 triệu đồng.

Ngày 08/01/2016, Hoàng Thị Th cùng chồng là Vũ Văn H đến nhà bà Phạm Thị H1 để hỏi vay số tiền 10 triệu đồng, bà H1 đồng ý. Th viết giấy vay tiền, Th và H cùng ký tên vào giấy vay tiền. Sau đó, Th đưa giấy vay cho bà H1, bà H1 đưa cho Th số tiền 10 triệu đồng.

Ngày 11/11/2015, Hoàng Thị Th cùng chồng là Vũ Văn H đến nhà ông Nguyễn Trung Th2 vay số tiền 100 triệu đồng, ông Th2 đồng ý. Th viết giấy vay tiền, Th và H cùng ký tên vào giấy dưới mục người vay. Sau đó, Th đưa giấy vay cho ông Th2, ông Th2 đưa cho Th số tiền 100 triệu đồng.

Đến giữa tháng 01 năm 2016, Hoàng Thị Th và Vũ Văn H bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền đã vay.

Ngày 05/11/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã số 08/QĐ-PC01 và 09/QĐ-PC01 đối với Hoàng Thị Th và Vũ Văn H; đến ngày 17/12/2019 Hoàng Thị Th và Vũ Văn H bị bắt theo lệnh truy nã.

Cơ quan điều tra thu giữ, tạm giữ tài liệu (lưu trong hồ sơ vụ án):

- 01 giấy biên nhận vay tiền của ông Nguyễn Trung Th2;
- 07 giấy vay tiền của bà Vũ Thị Đ;
- 04 giấy vay tiền của bà Phạm Thị H1;
- 01 giấy vay tiền của bà Trần Thị L;
- 02 giấy vay tiền (bản photocopy) của bà Nguyễn Thị Ng

Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Ng và ông Vũ Văn S yêu cầu Hoàng Thị Th trả lại số tiền 225 triệu đồng và không yêu cầu tính lãi.
- Bà Vũ Thị Đ và ông Phùng Kim L1 yêu cầu Hoàng Thị Th, Vũ Văn H trả lại số tiền 887 triệu đồng và không yêu cầu tính lãi.
- Bà Phạm Thị H1 và ông Nguyễn Văn Ch yêu cầu Hoàng Thị Th, Vũ Văn H trả lại số tiền 97 triệu đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Ông Nguyễn Trung Th2 và bà Đỗ Thị T1 yêu cầu Hoàng Thị Th, Vũ Văn H trả lại số tiền 100 triệu đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Bà Trần Thị L và ông Vũ Lương X yêu cầu Hoàng Thị Th trả lại số tiền 50 triệu đồng và không yêu cầu tính lãi.

Khi vay tiền, bên vay tiền và bên cho vay tiền có thỏa thuận lãi suất, nhưng không nhớ và không thống nhất được với nhau số tiền lãi đã trả nên không yêu cầu giải quyết về lãi suất.

Cáo trạng số 14/CT-VKS-P2 ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố: Hoàng Thị Th và Vũ Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Thị Th và Vũ Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Hoàng Thị Th từ 15 năm – 16 năm tù.

- Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Vũ Văn H từ 12 năm – 13 năm tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585 của Bộ luật Dân sự,

Buộc các bị cáo Hoàng Thị Th và Vũ Văn H phải bồi thường cho: Bà Nguyễn Thị Ng số tiền 225.000.000đồng; bà Vũ Thị Đ số tiền 887.000.000đồng; bà Phạm Thị H1 số tiền 97.000.000đồng; ông Nguyễn Trung Th2 số tiền 100.000.000đồng; bà Trần Thị L số tiền 50.000.000đồng.

* Người bào chữa của bị cáo Hoàng Thị Th đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Hoàng Thị Th từ 13 năm – 14 năm tù;

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận yêu cầu của các bị hại;

Miễn án phí dân sự cho bị cáo Hoàng Thị Th.

* Người bào chữa của bị cáo Vũ Văn H đề nghị Hội đồng xét xử:

Nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã đề nghị. Xử phạt Vũ Văn H mức thấp nhất của khung hình phạt;

* Các bị cáo Hoàng Thị Th và Vũ Văn H khai báo thành khẩn; lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Các bị hại yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt và xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện VC và Công an tỉnh Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện VC và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm những người bị hại (ông Vũ Văn S, ông Vũ Lương X, ông Phùng Kim L1, ông Nguyễn Văn Ch) vắng mặt, tuy nhiên sự vắng mặt của của những người tham gia tố tụng trên không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh:

Lời khai của các bị cáo đã phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và xem xét tại phiên tòa, như vậy đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2013 đến tháng 01/2016, Hoàng Thị Th nhiều lần tự mình thực hiện các giao dịch vay tiền của bà Nguyễn Thị Ng 225.000.000đồng, bà Vũ Thị Đ 510.000.000đồng, bà Trần Thị L 50.000.000đồng và cùng Vũ Văn H vay tiền của bà Vũ Thị Đ 377.000.000đồng, bà Phạm Thị H1 97.000.000đồng và ông Nguyễn Trung Th2 100.000.000đồng. Sau khi đã vay số tiền trên, đến giữa tháng 01 năm 2016, Hoàng Thị Th bỏ trốn, sau khi bỏ trốn được hai đến ba ngày thì Th gọi điện cho Vũ Văn H và Vũ Văn H bỏ trốn, nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay. Do đó, Hoàng Thị Th phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền đã chiếm đoạt là 1.359.000.000đồng; Vũ Văn H phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền đã chiếm đoạt cùng Th là 574.000.000đồng.

Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Vì vậy, bị cáo Hoàng Thị Th cùng Vũ Văn H phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (là Bộ luật Hình sự có hiệu lực tại thời điểm phạm tội) với khung hình phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân, tuy nhiên cùng hành vi này quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, do đó căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về việc áp dụng các quy

định có lợi cho người phạm tội để xét xử bị cáo theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với các lần bị cáo Hoàng Thị Th vay tiền của bà Nguyễn Thị Ng: Mặc dù bà Ng trình bày khi vay tiền của bà, bị cáo Th nói là mình đứng ra vay hộ cho bà Nguyễn Thị L, Hoàng Ngọc A và vợ chồng ông Nguyễn Văn Nh và bà Vũ Thị Q, nhưng Th lại khai nhận do bà Ng yêu cầu Th phải có giấy vay đứng tên người khác thì mới cho vay tiền nên Th đã tự tay viết các giấy vay và ký tên người khác vào giấy vay tiền để đưa cho bà Ng. Những lần trao đổi này đều không có người chứng kiến, không ghi vào giấy vay (các giấy vay tiền đều là bản phôtô). Mặt khác, bà Ng khai: “Khi Th nói vay hộ thì tôi cũng chỉ biết đưa tiền cho Th và đòi tiền từ Th. Th nói là vay hộ chỉ là lý do, câu nói chứ đó không phải là điều kiện thì tôi mới cho vay vì tôi không quen thân với họ. Nếu Th nói là Th vay thì tôi cũng đồng ý cho Th vay, vì Th là cháu họ của chồng tôi” (bút lục số 279); tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt (bút lục số 406) bà Nguyễn Thị Ng xác định: “Tôi yêu cầu Th phải có giấy vay đứng tên người khác thì mới cho vay”. Do vậy, không có căn cứ để xác định Hoàng Thị Th đã dùng thủ đoạn gian dối để nhận tài sản của bà Ng.

[4] Xét tính chất, mức độ phạm tội, vai trò đồng phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy rằng:

Về tính chất, mức độ và vai trò đồng phạm:

Hoàng Thị Th phải chịu trách nhiệm độc lập về số tiền mà Th đã trực tiếp vay.

Trong những lần đồng phạm với Vũ Văn H thì Hoàng Thị Th là người trực tiếp giao dịch vay tiền, quản lý và sử dụng số tiền vay, là người bỏ trốn trước, sau đó gọi điện cho H bỏ trốn, vì vậy Th giữ vai trò chính. Còn Vũ Văn H là người không trực tiếp giao dịch vay tiền của các bị hại, khi được Th thông báo về việc vay nợ không có khả năng trả và bỏ trốn thì H cũng đã bỏ trốn nên giữ vai trò thứ yếu.

Về nhân thân và các tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Bị cáo Hoàng Thị Th cùng Vũ Văn H đã nhiều lần thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của các bị hại, nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cả hai bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận định trên, thấy rằng:

Đối với bị cáo Hoàng Thị Th là đồng phạm giữ vai trò chính, vì vậy Hoàng Thị Th phải chịu trách nhiệm cao hơn Vũ Văn H và chịu hình phạt nặng hơn mới

có thể cải tạo, giáo dục trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đối với bị cáo Vũ Văn H tham gia đồng phạm với vai trò thứ yếu, vì vậy có thể phạt bị cáo H ở mức thấp của khung hình phạt thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước, động viên bị cáo tích cực rèn luyện cải tạo tốt, sớm trở về hòa nhập cộng đồng, nuôi dạy con.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại chỉ yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền gốc mà không yêu cầu tính lãi, các bị cáo đều nhất trí. Đối với các vụ đồng phạm, các bị cáo phải liên đới bồi thường; đối với các vụ không có đồng phạm, bị cáo Th phải chịu trách nhiệm độc lập, cụ thể:

- Đối với bị hại Nguyễn Thị Ng và Vũ Văn S: Bị cáo Hoàng Thị Th phải bồi thường cho bà Ng, ông S số tiền 225.000.000đồng.

- Đối với bị hại Trần Thị L và Vũ Lương X: Bị cáo Hoàng Thị Th phải bồi thường cho bà L, ông X số tiền 50.000.000đồng.

- Đối với bị hại Vũ Thị Đ và Phùng Kim L1: Bị cáo Hoàng Thị Th phải bồi thường cho bà Đ, ông L1 số tiền 510.000.000đồng. Hoàng Thị Th và Vũ Văn H phải liên đới bồi thường cho bà Đ, ông L1 số tiền 377.000.000đồng; trong đó, phần bồi thường của Hoàng Thị Th là 188.500.000đồng, phần bồi thường của Vũ Văn H là 188.500.000đồng.

- Đối với bị hại Phạm Thị H1 và Nguyễn Văn Ch: Bị cáo Hoàng Thị Th và Vũ Văn H phải liên đới bồi thường cho bà H1, ông Ch số tiền 97.000.000đồng; trong đó, phần bồi thường của Hoàng Thị Th là 48.500.000đồng, phần bồi thường của Vũ Văn H là 48.500.000đồng.

- Đối với bị hại Nguyễn Trung Th2 và Đỗ Thị T1: Bị cáo Hoàng Thị Th và Vũ Văn H phải liên đới bồi thường cho ông Th2, bà T1 số tiền 100.000.000đồng; trong đó, phần bồi thường của Hoàng Thị Th là 50.000.000đồng, phần bồi thường của Vũ Văn H là 50.000.000đồng.

[7] Các bị cáo Hoàng Thị Th và Vũ Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc miễn án phí dân sự cho Hoàng Thị Th.

[9] Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Thị Th và Vũ Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt Hoàng Thị Th 16 (mười sáu) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 12 năm 2019.

- Xử phạt Vũ Văn H 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 12 năm 2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

* Buộc bị cáo Hoàng Thị Th và Vũ Văn H phải liên đới bồi thường cho những bị hại sau:

- Bà Vũ Thị Đ và ông Phùng Kim L1 số tiền 377.000.000đồng; trong đó, phần bồi thường của Hoàng Thị Th là 188.500.000đồng (một trăm tám mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng), phần bồi thường của Vũ Văn H là 188.500.000đồng (một trăm tám mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị H1 và ông Nguyễn Văn Ch số tiền 97.000.000đồng; trong đó, phần bồi thường của Hoàng Thị Th là 48.500.000đồng (bốn mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng), phần bồi thường của Vũ Văn H là 48.500.000đồng (bốn mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Trung Th2 và bà Đỗ Thị T1 số tiền 100.000.000đồng; trong đó, phần bồi thường của Hoàng Thị Th là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng), phần bồi thường của Vũ Văn H là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

* Buộc bị cáo Hoàng Thị Th phải bồi thường cho những bị hại sau:

- Bà Nguyễn Thị Ng và ông Vũ Văn S số tiền 225.000.000đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

- Bà Trần Thị L và ông Vũ Lương X số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

- Bà Vũ Thị Đ và ông Phùng Kim L1 số tiền 510.000.000đồng (năm trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Hoàng Thị Th phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 44.160.000đồng (bốn mươi bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Văn H phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 14.350.000đồng (mười bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án này được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao;
- Vụ GDKT1-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan HS-NV Công an tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Cục THA Dân sự tỉnh Yên Bái;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo (2);
- Người bào chữa (2);
- Bị hại (5);
- Thi hành án hình sự (5);
- Lưu: HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Vân

